

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1564*/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *17* tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Hà Lam
giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 05 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020;
- Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;
- Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020 - 2030;
- Căn cứ Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 19/02/2014 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Chương trình phát triển đô thị Hà Lam, huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Theo ý kiến của Hội đồng nhân dân huyện Thăng Bình tại Công văn số 01/HĐND-VP ngày 12/01/2017 về Chương trình phát triển đô thị Hà Lam, huyện Thăng Bình;
- Xét đề nghị của UBND huyện Thăng Bình tại Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 19/4/2018 và Báo cáo số 50/BC-UBND ngày 01/3/2018 về việc thẩm định, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Hà Lam, huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2020 và 2030;
- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 34/TTr-SXD ngày 26/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Hà Lam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, với các nội dung sau:

1. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị

a) Quan điểm:

- Phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng và huyện, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và cả nước, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành.

- Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị;

- Sử dụng đất đúng quy hoạch, theo hướng tiết kiệm phát huy hiệu quả.

b) Mục tiêu:

- Rà soát, đánh giá hiện trạng đô thị Hà Lam đồng thời định hướng phát triển, nâng cao chất lượng đô thị;

- Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển đô thị để cụ thể hóa các tiêu chuẩn phát triển đô thị cần đạt được cho giai đoạn 5 năm và hằng năm theo định hướng Quy hoạch chung thị trấn Hà Lam đã được phê duyệt.

2. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị theo từng giai đoạn 05 năm

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2016		2020		Tầm nhìn	
			Toàn quốc	Hà Lam	Toàn quốc	Hà Lam	2025	2030
I	Các chỉ tiêu chung							
1	Tỷ lệ đô thị hóa	%	38	100	45	100	100	100
II	Chất lượng đô thị							
1	Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân	m ² /người	26	23	29	26,5	29	32,2
2	Tỷ lệ nhà kiên cố	%	65	93	75	95	97	99
3	Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị	%	15	12	20	28,14	22,2	18,11
4	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	1-3	5	2-5	5	7	7
5	Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch	%	70	57	90	90,5	95	97
6	Tiêu chuẩn cấp nước tại đô thị	lít/ng.ng.đ	100	153	120	177,8	189,5	200
7	Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước	%	70-80	80	80-90	90	95	97
8	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt tập trung được thu gom và xử lý	%	40-50	0	60	0	30	50

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2016		2020		Tầm nhìn	
			Toàn quốc	Hà Lam	Toàn quốc	Hà Lam	2025	2030
9	Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm	%	100	100	100	100	100	100
10	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	85	100	95	100	100	100
11	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch	%		30	≤18	25	20	15
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom và xử lý	%	85	75	90	80	85	90
13	Tỷ lệ chất thải rắn khu công nghiệp được thu gom và xử lý	%	80	100	90	100	100	100
14	Tỷ lệ chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý	%	80	90	100	95	100	100
15	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	85	94	90	96	97	98
16	Tỷ lệ chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng	%	80	10	85	50	70	90
17	Đất cây xanh đô thị	m ² /người	5	6,2	7	29,14	43,11	54,44
18	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị	m ² /người	3-5	6,2	4-6	29,14	43,11	54,44

3. Danh mục, lộ trình đầu tư các khu vực phát triển đô thị

Đô thị Hà Lam được xác định bao gồm 4 khu vực phát triển đô thị: (1) Khu vực cải tạo đô thị; (2) Khu vực phát triển đô thị mở rộng; (3) Khu vực tái thiết đô thị; (4) Khu vực có chức năng chuyên biệt; trong đó:

- Khu vực cải tạo đô thị:

+ Quy mô: Bao gồm 06 khu với tổng diện tích khoảng 408ha;

+ Lộ trình: Đến năm 2020 diện tích cải tạo khoảng 375ha; giai đoạn 2020-2025 cải tạo thêm 25ha; giai đoạn 2025-2030 cải tạo thêm 08ha.

- Khu vực phát triển đô thị mở rộng:

+ Quy mô: Bao gồm 03 khu với tổng diện tích khoảng 248ha;

+ Lộ trình: Đến năm 2020, phát triển mở rộng khoảng 97,3ha; giai đoạn 2020-2025, phát triển mở rộng thêm 96,5ha; giai đoạn 2025-2030, phát triển mở rộng thêm khoảng 54,2ha.

- Khu vực tái thiết đô thị:
 - + Quy mô: Bao gồm 01 khu với tổng diện tích khoảng 17ha;
 - + Lộ trình: Đến năm 2020 tái thiết 17ha.
- Khu vực có chức năng chuyên biệt.
 - + Quy mô: Bao gồm 02 khu với tổng diện tích khoảng 122ha;
 - + Lộ trình: Đến năm 2020 không phát triển công nghiệp; giai đoạn 2020-2025 đầu tư xây dựng khoảng 64ha; giai đoạn 2025-2030 mở rộng thêm 58ha.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

4. Danh mục các dự án đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Danh mục dự án hạ tầng khung: (Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

b) Tổng hợp kinh phí dự kiến đầu tư

Dự kiến tổng kinh phí đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội giai đoạn 2018-2030 khoảng 999,40 tỷ đồng (giai đoạn 2018-2020: Khoảng 215,00 tỷ đồng)

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

Stt	Danh mục công trình, dự án	TMDT	Phân kỳ đầu tư (từ năm - đến năm)		
			2018-2020	2020-2025	2025-2030
A	HẠ TẦNG KHUNG	999,40	220,00	271,50	507,90
I	Hạ tầng Xã hội	80,00	11,00	49,50	19,50
I.1	Giáo dục				
I.2	Y tế				
I.3	Văn hóa, TDTT	46,00	11,00	15,50	19,50
I.4	Thương mại - dịch vụ	34,00		34,00	
II	Hạ tầng kỹ thuật	919,40	209,00	222,00	488,40
II.1	Giao thông	575,40	170,00	182,00	223,40
II.2	Cấp nước, thoát nước	309,00	29,00	30,00	250,00
II.4	Điện	10,00	5,00	5,00	-
II.5	Nghĩa trang	25,00	5,00	5,00	15,00

5. Đề xuất khu vực phát triển đô thị ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu

Ưu tiên chỉnh trang khu trung tâm hiện hữu, hình thành mới khu đô thị trung tâm Hà Lam.

(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình

- Tổ chức công bố Chương trình phát triển đô thị thị trấn Hà Lam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai các nội dung, kế hoạch của Chương trình phát triển đô thị thị trấn Hà Lam được duyệt, trong đó tập trung triển khai các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung nhằm đạt các chỉ tiêu phát triển đô thị theo giai đoạn 5 năm và hằng năm;

- Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả và các vướng mắc, khó khăn, các đề xuất, kiến nghị (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị trấn Hà Lam về Sở Xây dựng, UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

2. Sở Xây dựng kiểm tra, hướng dẫn UBND huyện Thăng Bình triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị trấn Hà Lam đã được phê duyệt.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ danh mục dự án ưu tiên đầu tư theo Chương trình phát triển đô thị thị trấn Hà Lam được duyệt, bố trí kế hoạch vốn hằng năm phù hợp với Kế hoạch đầu tư trung hạn của tỉnh để UBND huyện Thăng Bình triển khai thực hiện.

4. Các Sở, Ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn UBND huyện Thăng Bình triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị trấn Hà Lam đã được phê duyệt.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thăng Bình; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND huyện Thăng Bình;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Khánh Toàn

Phụ lục 01

Danh mục, lộ trình đầu tư các khu vực phát triển đô thị

(Kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh)

TT	Các khu vực phát triển đô thị	Diện tích (ha)			Ký hiệu	Vị trí, ranh giới	Tính chất, chức năng
		Giai đoạn 2020	Giai đoạn 2025	Giai đoạn 2030			
I	Khu vực cải tạo đô thị	375	400	408	CT		
1	Khu vực cải tạo đô thị 1	140	140	140	CT1	Phía Đông Bắc: giáp Quốc lộ 1A. Phía Đông Nam: giáp đường quy hoạch và Bàu Hà Kiều. Phía Tây Nam, Tây Bắc: giáp đường bê tông hiện trạng.	Là khu ở kết hợp với công viên cây xanh, công trình công cộng, TMDV...
2	Khu vực cải tạo đô thị 2	44	61	61	CT2	Phía Đông Bắc, Đông Nam: giáp đường quy hoạch Phía Tây Bắc: giáp đường Lý Tự Trọng Phía Tây Nam: đường hiện trạng	Là khu ở kết hợp công viên cây xanh
3	Khu vực cải tạo đô thị 3	136	144	152	CT3	Phía Đông Bắc: giáp đất trồng lúa và đất ở Phía Đông Nam: giáp đất trồng lúa và đất ở Phía Tây Bắc: giáp đường quy hoạch Phía Tây Nam: giáp ranh giới phía Tây tổ 13	Là khu ở và khu nghĩa địa tập trung
4	Khu vực cải tạo đô thị 4	34	34	34	CT4	Phía Đông Bắc: giáp đất bằng chưa sử dụng Phía Đông Nam: giáp đất lúa Phía Tây Bắc: giáp đất rừng Phía Tây Nam: giáp đất rừng và đất bằng chưa sử dụng	Là khu ở và khu nghĩa địa tập trung
5	Khu vực cải tạo đô thị 5	7	7	7	CT5	Phía Đông Bắc: giáp Quốc lộ 1A Phía Đông Nam: giáp đất bằng chưa sử dụng Phía Tây Bắc: giáp đất lúa Phía Tây Nam: đường hiện trạng	Là khu ở
6	Khu vực cải tạo đô thị 6	14	14	14	CT6	Phía Đông Bắc: giáp đất lúa Phía Đông Nam: giáp đất ranh giới phía Nam tổ 15 Phía Tây Bắc: giáp đường quy hoạch Phía Tây Nam: giáp đất lúa	Là khu ở
II	Khu vực phát triển đô thị mở rộng	97,3	193,8	248	MR		
1	Khu vực phát triển đô thị mở rộng 1	93,7	101	101	MR1	Phía Đông Bắc: giáp Quốc lộ 1A Phía Đông Nam: giáp đường quy hoạch Phía Tây Bắc: giáp đường Lý Tự Trọng Phía Tây Nam: giáp đường quy hoạch	Là khu đô thị trung tâm Hà Lam
1	Khu vực phát triển đô thị mở rộng 2	3,6	37,8	51	MR2	Phía Đông Bắc: giáp Quốc lộ 1A Phía Đông Nam: giáp đường quy	Là khu ở mới kết hợp các

TT	Các khu vực phát triển đô thị	Diện tích (ha)			Ký hiệu	Vị trí, ranh giới	Tính chất, chức năng
		Giai đoạn 2020	Giai đoạn 2025	Giai đoạn 2030			
						hoạch Phía Tây Bắc: giáp đường Lý Tự Trọng Phía Tây Nam: giáp đường quy hoạch	công trình công cộng, TMDV
2	Khu vực phát triển đô thị mở rộng 3	0	55	96	MR3	Phía Đông Bắc: giáp đường quy hoạch Phía Đông Nam: giáp đường quy hoạch Phía Tây Bắc: giáp đất lúa Phía Tây Nam: giáp đất ở	Là khu ở kết hợp các công trình công cộng, TMDV
III	Khu vực tái thiết đô thị	17	17	17	TT		
1	Khu vực tái thiết đô thị 1	17	17	17	TT2	Phía Đông Bắc: giáp đường Quy hoạch Phía Đông Nam: giáp đường Huỳnh Thúc Kháng Phía Tây Bắc: giáp đường Quy hoạch Phía Tây Nam: giáp đường Quy hoạch	Là khu thể dục thể thao huyện
IV	Khu vực có chức năng chuyên biệt	0	64	122	CB		
1	Khu vực có chức năng chuyên biệt 1	0	10	10	CB1	Phía Đông Bắc: giáp đường quy hoạch Phía Đông Nam: giáp đường quy hoạch Phía Tây Bắc: giáp đường quy hoạch Phía Tây Nam: giáp đường quy hoạch	Nhà máy công nghiệp
1	Khu vực có chức năng chuyên biệt 2	0	54	112	CB2	Khu vực hai bên Quốc lộ 14E Phía Đông Bắc: giáp Quốc lộ 1A và đường đi Vùng Đông Phía Đông Nam: giáp đất mới Phía Tây Bắc: giáp đất ở hiện hữu Phía Tây Nam: giáp đất ở hiện hữu và đất cây xanh	Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp
	Tổng	489,3	674,8	795			

Phụ lục 02

Danh mục các dự án hạ tầng khung ưu tiên đầu tư giai đoạn đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Danh mục công trình, dự án	Quy mô	Đơn vị	TMDT	Phân kỳ đầu tư (từ năm - đến năm)			Dự kiến nguồn vốn giai đoạn 2018-2020			
					2018-2020	2020-2025	2025-2030	NSTW	NS Tỉnh	NS Huyện	Nguồn khác
A	HẠ TẦNG KHUNG			999,40	220,00	271,50	507,90	-	110,00	90,00	20,00
I	Hạ tầng Xã hội			80,00	11,00	49,50	19,50	-	-	11,00	-
I.1	Giáo dục										
I.2	Y tế										
I.3	Văn hóa, TDTT			46,00	11,00	15,50	19,50		-	11,00	
1	Xây mới sân vận động huyện			35,00	11,00	10,00	14,00			11,00	
2	Xây mới 01 trung tâm văn hóa cấp huyện	2,2	ha	11,00		5,50	5,50				
I.4	Thương mại - dịch vụ			34,00		34,00					
1	Cải tạo chợ Hà Lam			10,00		10,00					
2	Xây mới Chợ thị trấn	1	ha	10,00		10,00					
3	Xây mới bến xe tại khu vực Cây Cốc	3,4	ha	14,00		14,00					
II	Hạ tầng kỹ thuật			919,40	209,00	222,00	488,40	-	110,00	79,00	20,00
II.1	Giáo thông			575,40	170,00	182,00	223,40	-	110,00	60,00	-
1	Tuyến nội thị Hà Lam (Đoạn từ Para đến đường Huỳnh Thúc Kháng đến CCN Nam Hà Lam tại tổ 15)	4,3	km	129,00	70,00	59,00			50,00	20,00	
2	Nâng cấp đường Huỳnh Thúc Kháng	2,7	km	22,00		11,00	11,00				
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến 3/2	1,7	km	40,00		20,00	20,00				
4	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thuật	3,7	km	30,00	10,00	20,00				10,00	
5	Xây mới đường vành đai phía	2	km	64,00		32,00	32,00				

Stt	Danh mục công trình, dự án	Quy mô	Đơn vị	TMBT	Phân kỳ đầu tư (từ năm - đến năm)			Dự kiến nguồn vốn giai đoạn 2018-2020			
					2018-2020	2020-2025	2025-2030	NSTW	NS Tỉnh	NS Huyện	Nguồn khác
	Đông										
6	Xây mới đường bao phía Tây	3	km	72,00			72,00				
7	Xây mới đường từ ngã 3 Bình Quý đi vùng Đông	3,3	km	105,60	30,00	40,00	35,60			30,00	
8	Xây mới tuyến đường từ Trung tâm TĐTT đi CCN Nam Hà Lam	2,2	km	52,80			52,80				
9	Xây mới đường từ Huỳnh Thúc Kháng đi Quốc lộ 14E	2,5	km	60,00	60,00				60,00		
II.2	Cấp nước, thoát nước			309,00	29,00	30,00	250,00	-	-	9,00	20,00
1	Nâng cấp hệ thống cấp nước thị trấn			9,00	9,00					9,00	
2	Xây mới trạm xử lý nước thải tập trung và hệ thống thoát nước	3,6	ha	300,00	20,00	30,00	250,00				20,00
II.4	Điện			10,00	5,00	5,00	-	-	-	5,00	-
1	Hệ thống điện chiếu sáng toàn thị trấn			10,00	5,00	5,00				5,00	
II.5	Nghĩa trang			25,00	5,00	5,00	15,00	-	-	5,00	-
1	Xây dựng mới nghĩa trang nhân dân	12,5	ha	25,00	5,00	5,00	15,00			5,00	

Phụ lục 03

Các khu vực phát triển đô thị ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu đến năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh)

TT	Các khu vực phát triển đô thị	Giai đoạn đến 2020	Ký hiệu	Vị trí, ranh giới	Tính chất, chức năng
I	Khu vực cải tạo đô thị	375			
1	Khu vực cải tạo đô thị 1	140	CT1	Phía Đông Bắc: giáp Quốc lộ 1A Phía Đông Nam: giáp đường quy hoạch và Bàu Hà Kiều Phía Tây Nam, Tây Bắc: giáp đường bê tông hiện trạng	Là khu ở kết hợp với công viên cây xanh, công trình công cộng, TMDV...
2	Khu vực cải tạo đô thị 2	44	CT2	Phía Đông Bắc, Đông Nam: giáp đường quy hoạch Phía Tây Bắc: giáp đường Lý Tự Trọng Phía Tây Nam: đường hiện trạng	Là khu ở kết hợp công viên cây xanh
3	Khu vực cải tạo đô thị 3	136	CT3	Phía Đông Bắc: giáp đất trồng lúa và đất ở Phía Đông Nam: giáp đất trồng lúa và đất ở Phía Tây Bắc: giáp đường quy hoạch Phía Tây Nam: giáp ranh giới phía Tây tổ 13	Là khu ở và khu nghỉ địa tập trung
4	Khu vực cải tạo đô thị 4	34	CT4	Phía Đông Bắc: giáp đất bằng chưa sử dụng Phía Đông Nam: giáp đất lúa Phía Tây Bắc: giáp đất rừng Phía Tây Nam: giáp đất rừng và đất bằng chưa sử dụng	Là khu ở và khu nghỉ địa tập trung
5	Khu vực cải tạo đô thị 5	7	CT5	Phía Đông Bắc: giáp Quốc lộ 1A Phía Đông Nam: giáp đất bằng chưa sử dụng Phía Tây Bắc: giáp đất lúa Phía Tây Nam: đường hiện trạng	Là khu ở
6	Khu vực cải tạo đô thị 6	14	CT6	Phía Đông Bắc: giáp đất lúa Phía Đông Nam: giáp đất ranh giới phía Nam tổ 15 Phía Tây Bắc: giáp đường quy hoạch Phía Tây Nam: giáp đất lúa	Là khu ở
II	Khu vực phát triển đô thị mở rộng	97,3	MR		
1	Khu vực phát triển đô thị mở rộng 1	93,7	MR1	Phía Đông Bắc: giáp Quốc lộ 1A Phía Đông Nam: giáp đường quy hoạch Phía Tây Bắc: giáp đường Lý Tự Trọng Phía Tây Nam: giáp đường quy hoạch	Là khu đô thị trung tâm Hà Lam
1	Khu vực phát triển đô thị mở rộng 2	3,6	MR2	Phía Đông Bắc: giáp Quốc lộ 1A Phía Đông Nam: giáp đường quy hoạch Phía Tây Bắc: giáp đường Lý Tự Trọng Phía Tây Nam: giáp đường quy hoạch	Là khu ở mới kết hợp các công trình công cộng, TMDV
III	Khu vực tái thiết đô thị	17	TT		
1	Khu vực tái thiết đô thị 1	17	TT2	Phía Đông Bắc: giáp đường Quy hoạch Phía Đông Nam: giáp đường Huỳnh Thúc Kháng Phía Tây Bắc: giáp đường Quy hoạch Phía Tây Nam: giáp đường Quy hoạch	Là khu thể dục thể thao huyện
	Tổng	489,3			